TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 7 - 2024
V/v:"Ly hôn có yếu tố nước ngoài".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành,

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm và bà Hoàng Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2024/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc *"Ly hôn có yếu tố nước ngoài"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2024 của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phượng Thị Ng, sinh năm 1997;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q.

Địa chỉ hiện nay: Tầng 5, số 3, ngõ 11, ngõ 327, đoạn 2, đường Trung S, quận Trung H, thành phố Tân B, Đài L, Trung Q. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của chị Phượng Thị Ng: Ông Phan Thế Q và ông Ngô Văn N; Cùng địa chỉ: Số 32, Đỗ Q, phường Trung H, quận Cầu G, thành phố Hà N. *Vắng mặt*.

Bị đơn: Anh Quan Văn M, sinh năm 1993;

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q; Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài L, Trung Q, không rõ địa chỉ cụ thể. *Vắng mặt*.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Phương Quý S, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. *Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phượng Thị Ng trình bày:

Chị và anh Quan Văn M đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã Phúc S, huyện Chiêm H (nay thuộc huyện Lâm B), tỉnh Tuyên Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 07/04/2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống bình thường đến khoảng tháng 3 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ việc hai bên bất đồng quan điểm sống. Chúng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức nặng nề. Chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện và tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không những không được giải quyết mà ngày càng lớn. Chúng tôi đã sống ly thân kể từ thời điểm đó đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng tôi không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy nên, tôi làm đơn này để Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết yêu cầu ly hôn với anh Quan Văn M.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016, hiện nay cháu T đang cùng với bố đẻ của tôi là ông Phượng Quý S. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Do hiện nay tôi đang ở nước ngoài, đề nghị Tòa án tạm giao cháu T cho ông Phượng Quý S là người trông nom, chăm sóc cháu T đến khi tôi về Việt Nam.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ng xác định giữa chị và anh M không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định:

Tại biên bản xác minh với bà Bàn Thị Gh (mẹ đẻ anh Quan Văn M) ngày 05/3/2024 và ngày 25/4/2024, trú tại: Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, do anh M hiện đang lao động ở nước ngoài, bà Gh cung cấp thông tin như sau: Năm 2016 anh M và chị Ng về chung sống với tôi tại Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q nhưng chưa tổ chức hôn lễ. Chung sống được gần 01 năm thì chị Ng và con chung là cháu Phượng Đức T chuyển về nhà mẹ đẻ sống ở Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Năm 2020 chị Ng đi xuất khẩu lao động, đến năm 2021 thì anh M cũng đi xuất khẩu lao động tại Đài L, anh M đi theo diện nào, do công ty nào đưa đi và hiện nay đang sinh sống làm việc ở địa chỉ nào thì tôi không biết. Khoảng 01 tuần thì anh M sẽ gọi điện về một lần cho tôi qua messenger, mỗi lần gọi về anh M chỉ hỏi thăm công việc ở nhà và hỏi thăm sức khỏe mọi người trong gia đình.

Quá trình chung sống anh M, chị Ng có 01 con chung là cháu Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016, hiện nay cháu T vẫn đang sinh sống cùng ông bà ngoại tại Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q.

Anh M và chị Ng chưa tạo lập được khối tài sản chung nào và cũng không cùng nhau vay nợ ai.

Đầu năm 2024 tôi nhận được Thông báo thụ lý vụ án để giải quyết của Tòa án, khi anh M gọi về tôi có thông báo nội dung văn bản của Tòa án cho anh M, anh M không có ý kiến gì chỉ bảo để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi nào nhận được các văn bản khác của Tòa án bà Gh cam đoan sẽ thông báo đầy đủ, sớm nhất cho anh M được biết bằng cách chụp ảnh gửi qua messenger.

Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2024 với Trưởng Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, ông Ma Phúc H cung cấp thông tin như sau: Khoảng năm 2016 anh M và chị Ng về sống với nhau tại Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Được khoảng mấy tháng thì anh chị M Ng đi làm công ty một năm về một đến hai lần. Khoảng cuối năm 2020 chị Ng đi xuất khẩu lao động tại Đài L; khoảng tháng 5 năm 2021 tôi biết được thông tin anh M cũng đi xuất khẩu lao động ở Đài L nhưng theo diện nào thì tôi không nắm được. Từ khi đi xuất khẩu đến nay anh M, chị Ng chưa về Việt Nam lần nào. Do anh M, chị Ng chung sống với nhau thời gian ngắn nên chưa tạo lập được tài sản chung gì. Về con chung anh chị M Ng có một con chung là cháu Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016 nhưng từ nhỏ cháu T đã không ở thôn B, xã Phúc S, mà cháu T sống ở Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q với ông bà ngoại.

Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2024 với bà Ma Thị L, cán bộ Công chức văn hóa xã hội xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, chị L cung cấp thông tin như sau: Anh Quan Văn M là công dân ở Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Khi anh M làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài không đăng ký với UBND xã Phúc S nên UBND xã không nắm được thông tin anh M đi xuất khẩu lao động theo diện nào, do công ty nào đưa đi xuất khẩu và cũng không biết được địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024 với ông Phượng Quý S (bố đẻ chị Phượng Thị Ng), tại Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q, ông S cung cấp thông tin như sau: Thời gian anh M và chị Ng đăng ký kết hôn với nhau thời gian nào ông không nhớ. Ông chỉ nhớ chị Ng sinh cháu T trước, sau đó mới đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn anh M, chị Ng đi làm ăn xa không ở cùng ông nên ông không biết nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, không biết anh chị có tài sản chung hay vay nợ chung hay không. Anh M, chị Ng có một con chung là cháu Phượng Đức T, sinh năm 2016, từ nhỏ cháu do ông chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì bố mẹ cháu T đều đi làm ăn xa. Chị Ng đang làm thủ tục ly hôn với anh M và đề nghị tạm giao cháu T cho tôi chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian chị Ng đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài tôi nhất trí vì hiện nay bố mẹ cháu T đều không ở Việt Nam và anh M cũng không thăm hỏi, không gửi tiền về để nuôi cháu T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/3/2024 cháu Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016, cháu T có ý kiến như sau: Từ nhỏ cháu đã ở cùng và được ông ngoại chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nên khi bố mẹ cháu ly hôn cháu có

nguyện vọng ở với mẹ, nhưng do mẹ cháu đang lao động ở nước ngoài nên cháu muốn ở cùng ông ngoại đến khi mẹ cháu về Việt Nam.

Tại Văn bản số: 265/PA08-Đ1 ngày 20/3/2024, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Tuyên Quang, về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân xác định:

Công dân Phượng Thị Ng, sinh ngày 07/02/1997, đã được cấp hộ chiếu số C9373618, ngày 23/12/2020 Phượng Thị Ng xuất cảnh ra nước ngoài tại Sân bay quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến).

Công dân Quan Văn M, sinh ngày 30/11/1993, đã được cấp hộ chiếu số C9633176, ngày 11/4/2022 Quan Văn M xuất cảnh ra nước ngoài tại Sân bay quốc tế Nội Bài (không có địa chỉ nơi đến).

Do chị Phượng Thị Ng và anh Quan Văn M đều đang ở nước ngoài và chị Ng đã gửi đơn từ chối hòa giải đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang thông qua người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu chứng cứ cho chị Ng. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phượng Thị Ng, anh Quan Văn M, ông Phượng Quý S vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Anh Quan Văn M đã được người thân trong gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án. Chị Phượng Thị Ng có người đại diện theo ủy quyền giao, nhận văn bản tài liệu chứng cứ. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị Phượng Thị Ng, anh Quan Văn M và ông Phượng Quý S theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị Phượng Thị Ng và anh Quan Văn M không hạnh phúc, đã sống ly thân nhiều năm, hiện chị Ng và anh M đang ở nước ngoài không có khả năng đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phượng Thị Ng, xử cho chị Phượng Thị Ng được ly hôn với anh Quan Văn M.

Về con chung: Chị Ng đề nghị được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn nhưng tạm giao cháu T cho ông Phượng Quý S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

đến khi chị Ng về nước do hiện nay chị Ng và anh M đều đang ở nước ngoài. Vì vậy đề nghị giao cháu Phượng Đức T cho chị Phượng Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi nhưng tạm giao cho ông Phượng Quý S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong thời gian chị Ng ở nước ngoài đến khi chị Ng về Việt Nam.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Ng xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phượng Thị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Phượng Thị Ng và bị đơn anh Quan Văn M là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Phượng Thị Ng có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tân L, xã Thổ B, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q anh Quan Văn M có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã Phúc S, huyện Lâm B, tỉnh Tuyên Q. Hiện tại chị Ng, anh M đang sinh sống và làm việc tại Đài L, Trung Q. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn chị Phượng Thị Ng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Phượng Quý S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Quan Văn M không xác định được địa chỉ cụ thể, Tòa án đã tiến hành thực hiện tống đạt văn bản tố tụng cho người thân thích và thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Văn bản số: 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao và Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phượng Thị Ng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phượng Thị Ng và anh Quan Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 07/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Phúc S, huyện Chiêm H (nay là huyện Lâm B), tỉnh Tuyên Q theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Qua thu thập thông tin, tài liệu xác định chị Phượng Thị Ng và anh Quan Văn M hiện nay đang ở nước ngoài. Căn cứ vào quá trình xác minh, theo bản tự khai của chị Ng phù hợp với ý kiến trình bày của mẹ đẻ anh M và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có cơ sở xác định cuộc sống chung giữa chị Ng và anh M không hạnh phúc và không có khả năng hàn gắn, hiện chị Ng và anh M cùng xuất khẩu lao động nhưng mỗi người ở một nơi, không liên lạc, không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; vợ, chồng đã sống ly thân nhiều năm. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phượng Thị Ng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Ng và anh M có một con chung là Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016. Khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Ng đang lao động ở nước ngoài nên chị Ng đề nghị tạm giao cháu T cho ông Phượng Quý S (bố chị Ng) thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi chị về Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi còn nhỏ đến nay cháu T đã được ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay chị Ng, anh M đều đang ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T được và trong quá trình xác minh ông S có ý kiến sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T đến khi chị Ng về Việt Nam. Như vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T cần giao cháu T cho chị Phượng Thị Ng có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng trong thời gian chị Ng lao động ở nước ngoài, sẽ tạm giao cháu T cho ông Phượng Quý S thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi chị Phượng Thị Ng về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Nguyên đơn chị Phượng Thị Ng xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phượng Thị Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Quan Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phượng Thị Ng, anh Quan Văn M và ông Phượng Quý S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 228, 238, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 469, điểm e khoản 1 Điều 474, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phượng Thị Ng, cho chị Phượng Thị Ng được ly hôn với anh Quan Văn M (theo giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016, do Ủy ban nhân dân xã Phúc S, huyện Chiêm H (nay là huyện Lâm B), tỉnh Tuyên Q cấp ngày 07/4/2016).

2. Về con chung: Giao cháu Phượng Đức T, sinh ngày 02/02/2016 cho chị Phượng Thị Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Quan Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai có quyền cản trở. Anh Quan Văn M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phượng Thị Ng không đề nghị xem xét, nên không giải quyết.

Chị Phượng Thị Ng hiện đang lao động ở nước ngoài, tạm giao cháu Phượng Đức T cho ông Phượng Quý S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi chị Phượng Thị Ng về Việt Nam.

3. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phượng Thị Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số 0000026 ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Phượng Thị Ng đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Quan Văn M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Phượng Thị Ng, anh Quan Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Ông Phượng Quý S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Phúc Sơn, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phúc An Hoành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm **Hoàng Thị Duyên** **Phúc An Hoành**